

rong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần: BS0.105.3

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC :3

Mã DST: BS0.105.3_05/07/2023_2_1BS0.105.3-1-2-22(N02) Thi tại : 104-A5

Ngày thi: 05/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	223630665	Võ Nghĩa An	K63.KHMT	9.5	23027		An	
2	2	223630666	Bùi Đức Anh	K63.KHMT	4.0	23027		Anh	
3	3	223630667	Nguyễn Hữu Anh	K63.KHMT	4.8	23030	1	Anh	
4	4	223630668	Nguyễn Phương Anh	K63.KHMT	1.8	23030		Anh	
5	5	223630669	Nguyễn Thị Lan Anh	K63.KHMT	4.3	23031		Anh	
6	6	223630670	Nguyễn Tú Anh	K63.KHMT	10.0	23031		Anh	
7	7	223630671	Trần Đức Anh	K63.KHMT	3.5	23035		Anh	
8	8	223630672	Tổng Gia Bảo	K63.KHMT	3.5	23030		Bao	
9	9	223630673	Hoàng Quốc Chung	K63.KHMT	2.0	23035		Chung	
10	10	223630678	Nông Minh Đạt	K63.KHMT	5.3	23033		Dat	
11	11	223630674	Nguyễn Hùng Dũng	K63.KHMT	2.3	23031		Dung	
12	12	223630676	Phạm Đình Dũng	K63.KHMT	3.0	23031		Dung	
13	13	223630677	Đỗ Văn Dương	K63.KHMT	8.3	23027		Duong	
14	14	223630679	Nguyễn Kim Trường Giang	K63.KHMT	10.0	23031		Giang	
15	15	223630680	Trần Văn Giang	K63.KHMT	6.5	23027		Giang	
16	16	223630681	Ngô Văn Giáp	K63.KHMT	5.3	23033		Giap	
17	17	223630682	Phạm Hoàng Giáp	K63.KHMT	1.5	23030		Giap	
18	18	223630683	Vũ Văn Giáp	K63.KHMT	5.8	23030		Giap	
19	19	223630684	Lê Văn Mạnh Hà	K63.KHMT	9.8	23027		Ha	
20	20	223630685	Bùi Lê Quang Hải	K63.KHMT	4.5	23035		Hai	
21	21	223630686	Nguyễn Ngọc Hải	K63.KHMT					
22	22	223630687	Phạm Sơn Hải	K63.KHMT	3.8	23035		Hai	
23	23	223630689	Nguyễn Trọng Hiền	K63.KHMT	7.3	23033		Hiên	
24	24	223630690	Dương Trung Hiếu	K63.KHMT	6.5	23033		Hiên	
25	25	223630691	Mai Quốc Khánh	K63.KHMT	6.0	23033		Khánh	
26	26	223630693	Phạm Tuấn Kiệt	K63.KHMT	3.5	23030		Kiet	
27	27	223630694	Vũ Tuấn Kiệt	K63.KHMT	6.3	23027		Kiet	
28	28	223630695	Nguyễn Xuân Lộc	K63.KHMT	3.3	23035		Loc	
29	29	223630696	Dương Đức Mạnh	K63.KHMT	4.5	23036		manh	
30	30	223630697	Nguyễn Đức Mạnh	K63.KHMT	7.3	23031		manh	
31	31	223630698	Đoàn Thế Nam	K63.KHMT	5.5	23027		Nam	
32	32	223610699	Đào Trọng Khôi Nguyên	K63.KHMT	1.0	23035		Nguyên	
33	33	223630700	Hồ Khắc Nhật	K63.KHMT	6.8	23031		Nhat	
34	34	223630701	Cao Xuân Phồn	K63.KHMT	3.8	23035		Phon	
35	35	223630702	Bùi Thanh Phú	K63.KHMT	8.3	23031		Phu	
36	36	223630703	Phạm Thu Phương	K63.KHMT	5.3	23033		Phuong	
37	37	223630706	Thân Văn Quân	K63.KHMT	8.0	23027		Quan	
38	38	223630705	Nguyễn Xuân Quang	K63.KHMT	3.8	23027		Quang	
39	39	223630707	Trần Văn Quý	K63.KHMT	3.8	23030		Quy	
40	40	223630708	Phạm Thu Quỳnh	K63.KHMT	4.3	23030	1	Quynh	
41	41	223630709	Nguyễn Xuân Sáng	K63.KHMT	5.5	23035		Sang	
42	42	223610710	Phạm Hồng Sơn	K63.KHMT	1.0	23030		Son	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	43	223630711	Trịnh Hữu Tài	K63.KHMT	5.0	23035	1	Huutai	
44	44	223630712	Nguyễn Văn Thế	K63.KHMT	6.3	23027	1	Pho	
45	45	223630713	Nguyễn Tiến Thịnh	K63.KHMT	9.0	23030		Thinh	
46	46	223630714	Cao Quang Tiến	K63.KHMT	2.0	23031	1	IE	
47	47	223630715	Lê Danh Tiến	K63.KHMT	4.3	23033	1	hien	
48	48	223630716	Vũ Quyết Tiến	K63.KHMT	3.3	23031	1	Tien	
49	49	223630717	Hà Văn Trọng	K63.KHMT	1.5	23033	1	Truong	
50	50	223630718	Phạm Ngọc Trung	K63.KHMT	3.8	23027	1	Trung	
51	51	223630719 X	Đỗ Hữu Tuấn	K63.KHMT					Nợ HP
52	52	223630720	Nguyễn Quốc Tuấn	K63.KHMT	0.5	23035	1	Quoc	
53	53	223630721	Đỗ Hoàng Tùng	K63.KHMT	6.3	23033	1	Tung	
54	54	223630722	Nguyễn Hữu Khánh Tùng	K63.KHMT	4.8	23033	1	Thy	

Tổng số bài thi : 52

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Bùi Hương

Nguyễn M.H. Sơn

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

xong

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.105.3

Tên học phần:Xác suất thống kê

Số TC :3

Mã DST:BS0.105.3_05/07/2023_2_2BS0.105.3-1-2-22(N03) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:05/07/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	55	221230728 ✓	Trần Ngọc An	K63.CNTT1	3.5	33		An	
2	56	221230729 ✓	Bạch Phương Anh	K63.CNTT1	2.0	31		Anh	
3	57	221230733 ✓	Đặng Ngọc Anh	K63.CNTT1	3.5	30		Anh	
4	58	221230738 ✓	Nguyễn Hà Anh	K63.CNTT1	3.5	35		Anh	
5	59	221220741 ✓	Nguyễn Trường Anh	K63.CNTT1	2.0	31		Anh	
6	60	221230745 ✓	Nguyễn Quốc Bảo	K63.CNTT1	3.0	30		Bao	
7	61	221230754 ✓	Nguyễn Duy Chính	K63.CNTT1	7.0	27		Chính	
8	62	221230756 ✓	Lê Văn Chung	K63.CNTT1	5.8	32		Chung	
9	63	221230759 ✓	Từ Quốc Chung	K63.CNTT1	8.3	36		Chung	
10	64	221230760 ✓	Trần Ngọc Công	K63.CNTT1	4.5	30		Công	
11	65	221230762 ✓	Đặng Hữu Cường	K63.CNTT1	4.5	27		Cường	
12	66	221230763 ✓	Đỗ Quốc Cường	K63.CNTT1	4.8	35		Cường	
13	67	221230764 ✓	Hồ Văn Cường	K63.CNTT1	5.3	33		Cường	
14	68	221230765 ✓	Nguyễn Mạnh Cường	K63.CNTT1	5.5	27		Cường	
15	69	221230796 ✓	Nguyễn Hồng Đăng	K63.CNTT1	2.8	35		Đăng	
16	70	221230785 ✓	Tô Đức Đạo	K63.CNTT1	2.0	31		Đạo	
17	71	221230788 ✓	Lê Tiến Đạt	K63.CNTT1	4.5	35		Đạt	
18	72	221220789 ✓	Lưu Thành Đạt	K63.CNTT1	4.5	33		Đạt	
19	73	221220794 ✓	Phạm Trọng Đạt	K63.CNTT1	2.5	31		Đạt	
20	74	V211914131	Lê Bá Thành Đức	K63.CNTT1					
21	75	221230808 ✓	Nông Văn Đức	K63.CNTT1	1.5	30		Đức	
22	76	221220772 ✓	Tạ Mạnh Dũng	K63.CNTT1	4.5	33		Dũng	
23	77	221230778 ✓	Đào Thế Dương	K63.CNTT1	6.3	31		Dương	
24	78	221230816 ✓	Nguyễn Nguyên Giáp	K63.CNTT1	2.8	31		Giáp	
25	79	221230822 ✓	Hoàng Đức Hải	K63.CNTT1	7.0	31		Hải	
26	80	221230837 ✓	Phạm Trung Hiếu	K63.CNTT1	6.0	30		Hiếu	
27	81	221234939 ✓	Trương Việt Hoàng	K63.CNTT1	4.3	27		Hoàng	
28	82	221230852 ✓	Tạ Huy Hùng	K63.CNTT1	7.3	30		Hùng	
29	83	221230864 ✓	Hoàng Mạnh Hưng	K63.CNTT1	2.5	27		Hưng	
30	84	221230867 ✓	Nguyễn Quốc Hưng	K63.CNTT1	3.8	35		Hưng	
31	85	221230868 ✓	Nguyễn Thành Hưng	K63.CNTT1	5.0	33		Hưng	
32	86	221230870 ✓	Nguyễn Việt Hưng	K63.CNTT1	9.0	33		Hưng	
33	87	221230871 ✓	Võ Hoàng Hưng	K63.CNTT1	3.3	35		Hưng	
34	88	221220875 ✓	Cù Huy Phúc Khang	K63.CNTT1	1.0	27		Khang	
35	89	221230877 ✓	Đoàn Duy Khánh	K63.CNTT1	6.3	30		Khánh	
36	90	221230878 ✓	Lê Sĩ Khánh	K63.CNTT1	9.5	31		Khánh	
37	91	221230884 ✓	Nguyễn Đăng Khoa	K63.CNTT1	4.0	30		Khoa	

Mã DST: BS0.105.3_05/07/2023_2_2BS0.105.3-1-2-22(N03) Thi tại : 108-A5

Ngày thi: 05/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
38	92	221230885	Đỗ Trung Kiên	K63.CNTT1					
39	93	221230888	✓ Nguyễn Trung Kiên	K63.CNTT1	1.0	35		Kiên	
40	94	221230890	✓ Nguyễn Văn Kiệt	K63.CNTT1	8.5	27		Kiệt	
41	95	221230891	✓ Nông Đức Kiệt	K63.CNTT1	5.0	33		Kiệt	
42	96	221230904	✓ Lò Văn Long	K63.CNTT1	4.5	33		Long	
43	97	221230810	✓ Chu Đức Luân	K63.CNTT1	3.5	33		Luân	
44	98	221230911	✓ Nguyễn Quang Lương	K63.CNTT1	8.0	30		Lương	
45	99	221230912	✓ Phan Hoàng Lương	K63.CNTT1	4.0	31		Lương	
46	100	221230915	✓ Đinh Đức Mạnh	K63.CNTT1	6.8	27		Mạnh	
47	101	221230919	✓ Nguyễn Văn Mạnh	K63.CNTT1	4.8	27		Mạnh	
48	102	221230924	✓ Nguyễn Quang Minh	K63.CNTT1	2.5	30		Minh	
49	103	221230931	✓ Nguyễn Trà My	K63.CNTT1	7.3	34		My	
50	104	221220938	✓ Nguyễn Quốc Nam	K63.CNTT1	5.8	35		Nam	
51	105	221230941	✓ Trương Quang Nam	K63.CNTT1	7.0	27		Nam	
52	106	221230944	✓ Trần Minh Ngọc	K63.CNTT1	2.5	33		Ngọc	
53	107	221230946	✓ Nguyễn Đức Nguyên	K63.CNTT1	3.8	33		Nguyên	
54	108	221230948	✓ Nguyễn Tài Nhất	K63.CNTT1	00.0	31		Nhất	
55	109	221230950	✓ Vũ Hồng Nhung	K63.CNTT1	7.5	33		Nhung	
56	110	221230951	✓ Nguyễn Thị Nụ	K63.CNTT1	2.8	35		Nụ	
57	111	221230952	✓ Lò Văn Phát	K63.CNTT1	7.5	27		Phát	
58	112	221230953	✓ Nguyễn Thế Phong	K63.CNTT1	3.5	30		Phong	
59	113	221230955	✓ Phạm Nguyễn Hồng Phong	K63.CNTT1	3.8	35		Phong	
60	114	221230958	✓ Nguyễn Trọng Phúc	K63.CNTT1	1.0	27		Phúc	
61	115	221230963	✓ Nguyễn Minh Quang	K63.CNTT1	4.8	30		Quang	
62	116	221230970	✓ Vũ Minh Quyết	K63.CNTT1	9.0	31		Quyết	
63	117	221230973	✓ Lê Văn Sơn	K63.CNTT1	4.0	27		Sơn	
64	118	221230975	✓ Lương Trường Sơn	K63.CNTT1	3.5	30		Sơn	
65	119	221230979	✓ Đinh Đức Tài	K63.CNTT1	3.0	33		Tài	
66	120	221230981	✓ Nguyễn Minh Tân	K63.CNTT1	4.0	30		Tân	
67	121	221230983	✓ Nguyễn Văn Tân	K63.CNTT1	2.3	33		Tân	
68	122	221230984	✓ Hoàng Quang Thái	K63.CNTT1	5.8	34		Thái	
69	123	V221911936	Nguyễn Quang Thái	K63.CNTT1					
70	124	221230997	✓ Nguyễn Văn Thắng	K63.CNTT1	8.0	31		Thắng	
71	125	221230998	✓ Phạm Quyết Thắng	K63.CNTT1	8.8	33		Thắng	
72	126	221230991	✓ Trịnh Xuân Thành	K63.CNTT1	3.5	35		Thành	
73	127	221231003	✓ Võ Hồng Thịnh	K63.CNTT1	2.5	31		Thịnh	
74	128	221231012	✓ Trần Mạnh Toàn	K63.CNTT1	5.3	33		Toàn	
75	129	221231013	✓ Nguyễn Thị Huyền Trang	K63.CNTT1	7.3	35		Trang	
76	130	221231016	✓ Vũ Minh Trang	K63.CNTT1	8.8	27		Trang	
77	131	221231022	✓ Nguyễn Đình Trường	K63.CNTT1	4.0	33		Trường	
78	132	221231025	✓ Trần Xuân Trường	K63.CNTT1	3.5	35		Trường	
79	133	221231045	✓ Vũ Ngọc Tuyền	K63.CNTT1	5.5	27		Tuyền	

Mã DST:BS0.105.3_05/07/2023_2_2BS0.105.3-1-2-22(N03) Thi tại : 108-A5

Ngày thi:05/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
80	134	221231050 ✓	Hoàng Thế Vinh	K63.CNTT1	0.5	30		Vinh	
81	135	221231054 ✓	Vũ Quang Vinh	K63.CNTT1	4.8	35		Vinh	
82	136	221231055 ✓	Đinh Văn Vinh	K63.CNTT1	4.8	35		Vinh	
83	137	221231058 ✓	Tạ Xuân Anh Vũ	K63.CNTT1	6.0	27		Vũ	
84	138	221231061 ✓	Đỗ Thị Ngọc Yến	K63.CNTT1	2.0	30		Yến	

Tổng số bài thi : 81

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Bùi Hương N.M.H Sơn

PGS.TS. Xuân Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.105.3

Tên học phần:Xác suất thống kê

Số TC :3

Mã DST:BS0.105.3_05/07/2023_2_3BS0.105.3-1-2-22(N04) Thi tại : 305-A5

Ngày thi:05/07/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	139	221230731	Đỗ Danh Tâm Anh	K63.CNTT2	7.5	23033		Anh	
2	140	221230739	Nguyễn Quí Anh	K63.CNTT2	9.3	23031		Anh	
3	141	221220747	Dương Doãn Bình	K63.CNTT2	3.8	23030		Bình	
4	142	221230750	Nguyễn Thanh Bình	K63.CNTT2	8.5	24027		Bình	
5	143	221230751	Trần Minh Châu	K63.CNTT2	3.8	23031		Châu	
6	144	221230753	Nguyễn Quán Chiến	K63.CNTT2	6.0	23030		Chiến	
7	145	221230757	Nguyễn Đức Chung	K63.CNTT2	4.5	23027		Chung	
8	146	221230766	Nguyễn Mạnh Cường	K63.CNTT2	4.5	23035		Cường	
9	147	221230784	Mai Phi Đại	K63.CNTT2	7.3	23033		Đại	
10	148	221230790	Mai Thành Đạt	K63.CNTT2	4.5	23035		Đạt	
11	149	221230791	Nguyễn Đình Đạt	K63.CNTT2	2.3	23023		Đạt	
12	150	221230795	Vũ Văn Đạt	K63.CNTT2	7.5	23030		Đạt	
13	151	221230801	Mai Văn Đình	K63.CNTT2	6.0	23027		Đình	
14	152	221230806	Nguyễn Minh Đức	K63.CNTT2	4.0	23045		Đức	
15	153	221230809	Trần Anh Đức	K63.CNTT2	4.5	23031		Đức	
16	154	221230779	Nguyễn Hữu Tùng Dương	K63.CNTT2	7.0	23033		Dương	
17	155	221230781	Trần Hải Dương	K63.CNTT2	1.0	23031		Dương	
18	156	221230774	Đỗ Trọng Duy	K63.CNTT2	5.3	23033		Duy	
19	157	221230775	Nguyễn Đắc Duy	K63.CNTT2	4.0	23035		Duy	
20	158	221220776	Nguyễn Tuấn Duy	K63.CNTT2	6.5	23030		Duy	
21	159	221230811	Bùi Đình Giang	K63.CNTT2	6.5	23030		Giang	
22	160	221230812	Nguyễn Thị Hương Giang	K63.CNTT2	6.0	23030		Giang	
23	161	221230814	Vũ Trường Giang	K63.CNTT2	7.5	23033		Giang	
24	162	221230815	Nguyễn Đình Giáp	K63.CNTT2	7.8	23031		Giáp	
25	163	221220817	Nguyễn Văn Giáp	K63.CNTT2	6.5	23027		Giáp	
26	164	221230821	Đào Minh Hải	K63.CNTT2	4.5	23035		Hải	
27	165	221230828	Hoàng Đức Hiệp	K63.CNTT2	9.0	23027		Hiệp	
28	166	221230833	Ngô Minh Hiếu	K63.CNTT2	7.5	23030		Hiếu	
29	167	221230839	Ngô Quốc Hiệu	K63.CNTT2	3.5	23030		Hiệu	
30	168	221230840	Phạm Thị Hoài	K63.CNTT2	8.5	23029		Hoài	
31	169	221230841	Nguyễn Huy Hoàn	K63.CNTT2	7.0	23035		Hoàn	
32	170	221220845	Nguyễn Huy Hoàng	K63.CNTT2	6.8	23031		Hoàng	
33	171	221230847	Đặng Mạnh Hùng	K63.CNTT2	7.8	23033		Hùng	
34	172	221230851	Nguyễn Tuấn Hùng	K63.CNTT2	7.0	23035		Hùng	
35	173	221230869	Nguyễn Việt Hưng	K63.CNTT2	8.5	23031		Hưng	Tám phẩy tám
36	174	221230872	Nguyễn Thu Hương	K63.CNTT2	9.8	23033		Hương	
37	175	221230854	Nguyễn Đức Huy	K63.CNTT2	4.3	23027		Huy	
38	176	221230855	Nguyễn Phú Huy	K63.CNTT2	6.8	23027		Huy	
39	177	221220858	Phạm Trần Gia Huy	K63.CNTT2	2.8	23031		Huy	
40	178	221230862	Vũ Thanh Huyền	K63.CNTT2	9.0	23033		Huyền	
41	179	221230882	Trần Quốc Khánh	K63.CNTT2	7.3	23030		Khánh	
42	180	221230893	Phạm Cảnh Lâm	K63.CNTT2	9.5	23033		Lâm	
43	181	221230897	Đỗ Mai Linh	K63.CNTT2	8.5	23031		Linh	
44	182	221230901	Trịnh Hà Linh	K63.CNTT2	10.0	230230		Linh	
45	183	221230909	Đinh Thành Lộc	K63.CNTT2	7.3	23027		Lộc	

Mã DST: BS0.105.3_05/07/2023_2_3BS0.105.3-1-2-22(N04) Thi tại : 305-A5

Ngày thi: 05/07/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
46	184	221230905	Nguyễn Đức Long	K63.CNTT2	00.0				Vắng thi
47	185	221230907	Phạm Thành Long	K63.CNTT2	9.5	23031		Long	
48	186	221230920	Đinh Văn Minh	K63.CNTT2	5.5			Minh	
49	187	221230922	Nguyễn Đức Minh	K63.CNTT2	6.8	23035		Minh	
50	188	221230926	Phùng Bùi Ngọc Minh	K63.CNTT2	7.0	23031		Minh	
51	189	221230934	Đào Hải Nam	K63.CNTT2	4.3	23030		Nam	
52	190	221230936	Nguyễn Hoài Nam	K63.CNTT2	9.8	23033		Nam	
53	191	221230943	Phan Đình Nghĩa	K63.CNTT2	7.0	23035		Nghĩa	
54	192	221230956	Nguyễn Hoàng Phú	K63.CNTT2	9.0	23027		Phú	
55	193	221230959	Phạm Đại Phúc	K63.CNTT2	6.3	23030		Phúc	
56	194	221230960	Phạm Thu Phương	K63.CNTT2	8.0	23031		Phương	
57	195	221230966	Đào Minh Quân	K63.CNTT2	9.0	23033		Quân	
58	196	221230967	Nguyễn Minh Quân	K63.CNTT2	9.3	23031		Quân	
59	197	221230976	Nguyễn Hữu Sơn	K63.CNTT2	2.8	23025		Sơn	
60	198	221230980	Phạm Thế Tài	K63.CNTT2	8.0	23030		Tài	
61	199	221230995	Hồ Văn Thắng	K63.CNTT2	8.8	23027		Thắng	
62	200	221230996	Nguyễn Đức Thắng	K63.CNTT2	4.8	23035		Thắng	
63	201	221230986	Phùng Quang Thanh	K63.CNTT2	00.0				Vắng thi
64	202	221230988	Lê Xuân Thành	K63.CNTT2	6.0	23027		Thành	
65	203	221230994	Nguyễn Thị Phương Thảo	K63.CNTT2	10.0	23030		Thảo	
66	204	221221002	Nguyễn Minh Thiết	K63.CNTT2	7.8	23033		Thiết	
67	205	221231007	Đàm Quang Thường	K63.CNTT2	5.5	23035		Thường	
68	206	221231009	Đỗ Duy Tiến	K63.CNTT2	8.0	23033		Tiến	
69	207	221231011	Bùi Khánh Toàn	K63.CNTT2	6.5	23031		Toàn	
70	208	221231014	Nguyễn Thị Thu Trang	K63.CNTT2	8.5	23031		Trang	
71	209	221231024	Tô Minh Trường	K63.CNTT2	6.0	23027		Trường	
72	210	221231026	Nguyễn Văn Trường	K63.CNTT2	7.5	23030		Trường	
73	211	221231028	Nguyễn Văn Tú	K63.CNTT2	2.0	23030		Tú	
74	212	221231029	Tạ Hữu Tú	K63.CNTT2	6.5	23027		Tú	
75	213	221231033	Nguyễn Trung Tuấn	K63.CNTT2	8.3	23035		Tuấn	
76	214	221231037	Trần Mạnh Tuấn	K63.CNTT2	1.5	23033		Tuấn	
77	215	221231041	Đào Mạnh Tùng	K63.CNTT2	4.8	23035		Tùng	
78	216	221231042	Lộc Văn Tùng	K63.CNTT2	8.8	23027		Tùng	
79	217	221231043	Ngô Đức Tùng	K63.CNTT2	8.0	23033		Tùng	
80	218	221231047	Tạ Minh Việt	K63.CNTT2	7.8	23031		Việt	
81	219	221231059	Đỗ Thị Xuân	K63.CNTT2	10.0	23033		Xuân	

Tổng số bài thi : 79

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2023

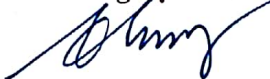
Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng


N. H. H. Sơn


Vũ Thị Hương


PGS.TS. Trần Văn Long


Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần: BS0.105.3

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 3

Mã DST: BS0.105.3_05/07/2023_2_4BS0.105.3-1-2-22(N05) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 05/07/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	220	221230723	Hoàng Trọng An	K63.CNTT3	9,0	23030		An	
2	221	221230725	Nguyễn Hoàng An	K63.CNTT3				An	Nợ HP
3	222	221230726	Nguyễn Văn An	K63.CNTT3	2,5	23031		An	
4	223	221230727	Phạm Thành An	K63.CNTT3	8,0	23027		An	
5	224	221230730	Bùi Tuấn Anh	K63.CNTT3	6,8	23033		Anh	
6	225	221230735	Lê Thị Quỳnh Anh	K63.CNTT3	7,8	23035		Anh	
7	226	221230737	Nguyễn Đức Anh	K63.CNTT3	7,5	23027		Anh	
8	227	221230740	Nguyễn Thị Phương Anh	K63.CNTT3	8,8	23030		Anh	
9	228	221230743	Vũ Đức Duy Anh	K63.CNTT3	5,5	23031		Anh	
10	229	221230752	Triệu Linh Chi	K63.CNTT3	10,0	23033		Chi	
11	230	221230755	Lê Tiến Chung	K63.CNTT3	8,3	23035		Chung	
12	231	221230798	Trần Hải Đăng	K63.CNTT3	3,0	23030		Đăng	
13	232	221230799	Trần Hải Đăng	K63.CNTT3	5,9	23027		Đăng	
14	233	221230802	Nguyễn Thế Định	K63.CNTT3	8,3	23031		Định	
15	234	221230803	Nguyễn Bá Đoàn	K63.CNTT3					Nợ HP
16	235	221230804	Nguyễn Văn Đoàn	K63.CNTT3	3,8	23033		Đoàn	
17	236	221230767	Mai Xuân Doanh	K63.CNTT3	5,5	23035		Doanh	
18	237	221230807	Nguyễn Xuân Đức	K63.CNTT3					Nợ HP
19	238	221230768	Bùi Quốc Dũng	K63.CNTT3	0,5	23031		Dũng	
20	239	221230770	Nguyễn Văn Dũng	K63.CNTT3	4,5	23027		Dũng	
21	240	221230773	Trần Văn Dũng	K63.CNTT3	9,3	23030		Dũng	
22	241	221230777	Phạm Đức Duy	K63.CNTT3	0,8	23031		Duy	
23	242	221230820	Bùi Nam Hải	K63.CNTT3	7,8	23033		Hải	
24	243	221230823	Nguyễn Phan Hải	K63.CNTT3	7,3	23030		Hải	
25	244	221230825	Trần Đức Hải	K63.CNTT3	8,8	23027		Hải	
26	245	221230827	Nguyễn Văn Hậu	K63.CNTT3	3,8	23035		Hậu	
27	246	221230829	Cao Trung Hiếu	K63.CNTT3	7,5	23033		Hiếu	
28	247	221230830	Đào Đức Hiếu	K63.CNTT3	6,8	23030		Hiếu	
29	248	221220834	Nguyễn Minh Hiếu	K63.CNTT3	3,3	23035		Hiếu	
30	249	221230842	Nguyễn Văn Hoàn	K63.CNTT3	8,8	23027		Hoàn	
31	250	221230843	Dương Minh Hoàng	K63.CNTT3	4,5	23025		Hoàng	
32	251	221230844	Nguyễn Huy Hoàng	K63.CNTT3	10,0	23033		Hoàng	
33	252	221230849	Nguyễn Mạnh Hùng	K63.CNTT3	1,0	23031		Hùng	
34	253	221230859	Phạm Xuân Huy	K63.CNTT3	7,5	23030		Huy	
35	254	221230857	Phí Gia Huy	K63.CNTT3	7,0	23031		Huy	
36	255	221230860	Tạ Gia Huy	K63.CNTT3	3,8	23033		Huy	
37	256	221230861	Lê Thanh Huyền	K63.CNTT3	8,0	23027		Huyền	
38	257	221220883	Vũ Gia Khánh	K63.CNTT3					
39	258	221230889	Trịnh Ngọc Kiên	K63.CNTT3	6,5	23030		Kiên	
40	259	221230896	Nguyễn Thành Lâm	K63.CNTT3	00,0	23031		Lâm	
41	260	221230898	Nguyễn Tuấn Linh	K63.CNTT3	4,5	23035		Linh	
42	261	221220900	Phạm Gia Linh	K63.CNTT3	3,3	23027		Linh	
43	262	221230906	Nguyễn Thành Long	K63.CNTT3	10,0	23033		Long	
44	263	221230908	Vũ Đức Long	K63.CNTT3	3,3	23030		Long	
45	264	221230913	Trần Đức Lương	K63.CNTT3	7,8	23027		Lương	

Mã DST: BS0.105.3_05/07/2023_2_4BS0.105.3-1-2-22(N05) Thi tại : 101-A5

Ngày thi: 05/07/2023

Ca thi:

Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
46	265	221230918	Nguyễn Trọng Mạnh	K63.CNTT3	\	\		\	
47	266	221230925	Nguyễn Quốc Minh	K63.CNTT3	7,5	23030		Minh	
48	267	221230929	Vũ Ngọc Minh	K63.CNTT3	4,5	23027		Minh	
49	268	221230930	Vũ Ngọc Tiến Minh	K63.CNTT3	5,5	23035		Minh	
50	269	221230935	Đặng Quốc Nam	K63.CNTT3	10,0	23033		Nam	
51	270	221230937	Nguyễn Phương Nam	K63.CNTT3	6,0	23031		Nam	
52	271	221230939	Nguyễn Văn Nam	K63.CNTT3	2,8	23031		Nam	
53	272	221230942	Lê Trọng Nghĩa	K63.CNTT3	8,5	23033		Nghĩa	
54	273	221230945	Hoàng Bảo Nguyên	K63.CNTT3	6,8	23035		Ng	
55	274	221230949	Hoàng Thị Nhiêu	K63.CNTT3	3,3	23035		Nhiêu	
56	275	221230954	Phan Văn Phong	K63.CNTT3	5,0	23027		Phong	
57	276	221230961	Lê Minh Quang	K63.CNTT3	6,3	23027		Quang	
58	277	221230962	Ngô Văn Quang	K63.CNTT3	6,0	23030		Quang	
59	278	221230969	Hồ Văn Quý	K63.CNTT3	4,5	23031		Quý	
60	279	221230974	Lương Văn Sơn	K63.CNTT3	8,8	23035		Sơn	
61	280	221230977	Nguyễn Việt Sơn	K63.CNTT3	7,0	23033		Sơn	
62	281	221220990	Phạm Tiến Thành	K63.CNTT3	5,5	23030		Thành	
63	282	221230992	Vũ Đức Thành	K63.CNTT3	00,0	23031		Thành	
64	283	221230999	Đinh Ngọc Thế	K63.CNTT3	6,8	23033		Thế	
65	284	221231001	Trịnh Hữu Thiện	K63.CNTT3	3,3	23027		Thiện	
66	285	221231006	Phạm Thị Thương	K63.CNTT3	8,3	23035		Thương	
67	286	221231008	Phạm Ngọc Tiên	K63.CNTT3	5,8	23033		Tiễn	
68	287	221231018	Phạm Văn Trọng	K63.CNTT3	5,5	23030		Trọng	
69	288	221231019	Lê Minh Trung	K63.CNTT3	00,0	23031		Trung	
70	289	221231020	Lưu Tiến Trung	K63.CNTT3	\	\		\	
71	290	221231021	Nguyễn Đắc Trường	K63.CNTT3	6,8	23030		Trường	
72	291	221221030	Dương Quốc Bảo Tuấn	K63.CNTT3	5,0	23027		Tuấn	
73	292	221231031	Lê Anh Tuấn	K63.CNTT3	0,5	23035		Tuấn	
74	293	221231032	Nguyễn Sỹ Anh Tuấn	K63.CNTT3	1,0	23027		Tuấn	
75	294	221231034	Nguyễn Văn Tuấn	K63.CNTT3	4,3	23035		Tuấn	
76	295	221231046	Phạm Hoàng Việt	K63.CNTT3	6,8	23030		Việt	
77	296	221231048	Trương Hoàng Việt	K63.CNTT3	5,5	23031		Việt	
78	297	221231049	Đinh Công Vinh	K63.CNTT3	3,3	23033		Vinh	
79	298	221231052	Nguyễn Thành Vinh	K63.CNTT3	1,0	23031		Vinh	
80	299	221231053	Trương Quang Vinh	K63.CNTT3	9,8	23033		Vinh	

Tổng số bài thi : 74

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Vũ Phú Hương
Bùi Hương

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần:BS0.105.3

Tên học phần:Xác suất thống kê

Số TC :3

Mã DST:BS0.105.3_05/07/2023_2_5BS0.105.3-1-2-22(N06) Thi tại : 101-A5

Ngày thi:05/07/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số:5

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	300	221230732	Đào Tuấn Anh	K63.CNTT4	5,3	23033		Anh	
2	301	221230734	Hoàng Đức Tuấn Anh	K63.CNTT4	\	\		\	
3	302	221230736	Lê Xuân Bảo Anh	K63.CNTT4	7,0	23034		Anh	
4	303	221231039	Nguyễn Đình Tuấn Anh	K63.CNTT4	7,8	23034		Anh	
5	304	221230742	Trần Kim Anh	K63.CNTT4	8,0	23030		Anh	
6	305	221230744	Vũ Tuấn Anh	K63.CNTT4	6,0	23024		anh	
7	306	221230746	Nguyễn Duy Biên	K63.CNTT4	9,5	23031		biên	
8	307	221230748	Đặng Thanh Bình	K63.CNTT4	7,5	23027		Bình	
9	308	221230758	Nguyễn Văn Chung	K63.CNTT4	4,5	23035		Chung	
10	309	221230761	Vũ Văn Hà Công	K63.CNTT4	6,3	23033		Công	
11	310	221230797	Nguyễn Trần Hải Đăng	K63.CNTT4	1,0	23027		Đăng	
12	311	221230800	Trương Nguyễn Minh Đăng	K63.CNTT4	4,3	23035		Đăng	
13	312	221230786	Đoàn Tiến Đạt	K63.CNTT4	5,5	23030		Đạt	
14	313	221220792	Nguyễn Hoàng Đạt	K63.CNTT4	6,5	23031		Đạt	
15	314	221230805	Nguyễn Thế Đông	K63.CNTT4	8,0	23027		Đông	
16	315	221230769	Nguyễn Quang Dũng	K63.CNTT4	\	\		\	Nợ HP
17	316	221230771	Phạm Tiến Dũng	K63.CNTT4	5,3	23030		Dũng	
18	317	221230780	Phạm Việt Dương	K63.CNTT4	9,5	23027		Dương	
19	318	221220782	Trần Thái Dương	K63.CNTT4	3,8	23030		Dương	
20	319	221230783	Trần Thủy Dương	K63.CNTT4	7,8	23033		Dương	
21	320	221230813	Trần Long Giang	K63.CNTT4	\	\		\	Nợ HP
22	321	221230818	Trần Văn Giáp	K63.CNTT4	4,3	23030		Giáp	
23	322	221230819	Đàm Thị Thu Hà	K63.CNTT4	5,3	23035		Hà	
24	323	221230826	Vũ Ngọc Hải	K63.CNTT4	9,0	23033		Hải	
25	324	221230831	Đặng Quốc Hiếu	K63.CNTT4	6,8	23035		Hiếu	

Tổng số bài thi : 22

Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

Vũ Thị Hương Bùi Hương

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2022-2023 học kỳ 2 - Đợt thi : Kế hoạch thi học kỳ chính (đợt 1) khóa 63 HK II 22-23

Mã học phần: BS0.105.3

Tên học phần: Xác suất thống kê

Số TC : 3

Mã DST: BS0.105.3_05/07/2023_2_6BS0.105.3-1-2-22(N06) Thi tại : 105-A5

Ngày thi: 05/07/2023

Ca thi: Ca 2 (09:30 - 11:30)

Phòng số: 6

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	325	221230832	Hoàng Văn Hiếu	K63.CNTT4	7,5	23027	01	Huỳnh	
2	326	221230835	Nguyễn Trung Hiếu	K63.CNTT4	6,0	23035	01	Huỳnh	
3	327	221230836	Phạm Trần Hiếu	K63.CNTT4	6,8	23033	01	Huỳnh	
4	328	221230838	Lưu Minh Hiếu	K63.CNTT4	6,0	23035		Huỳnh	
5	329	221230846	Nguyễn Ngọc Hoàng	K63.CNTT4	4,5	23035	01	Huỳnh	
6	330	221220848	Nguyễn Mạnh Hùng	K63.CNTT4	9,0	23031		Huỳnh	
7	331	221230853	Vương Đức Hùng	K63.CNTT4	8,3	23031		Huỳnh	
8	332	221230863	Đặng Duy Hưng	K63.CNTT4	4,5	23030	01	Huỳnh	
9	333	221230866	Nguyễn Duy Hưng	K63.CNTT4	6,3	23027	01	Huỳnh	
10	334	221230873	Nguyễn Công Hưởng	K63.CNTT4	6,8	23031		Huỳnh	
11	335	221230874	Phạm Quang Khải	K63.CNTT4	2,0	23035		Huỳnh	
12	336	221230876	Kiều Quang Khanh	K63.CNTT4	9,3	23035		Khanh	23033
13	337	221230880	Nguyễn Quốc Khánh	K63.CNTT4	8,3	23027		Khánh	
14	338	221230881	Nguyễn Xuân Khánh	K63.CNTT4	8,3	23035		Khánh	
15	339	221230886	Lê Trung Kiên	K63.CNTT4	9,8	23033		Kiên	
16	340	221220887	Nguyễn Hà Kiên	K63.CNTT4	8,0	23030		Kiên	
17	341	221230892	Nguyễn Tùng Lâm	K63.CNTT4	9,5	23031		Lâm	
18	342	221230894	Phạm Thiết Lâm	K63.CNTT4	6,0	23030		Lâm	
19	343	221230895	Trần Hải Lâm	K63.CNTT4	4,5	23035		Lâm	
20	344	221230899	Phan Thùy Linh	K63.CNTT4	7,8	23033		Linh	
21	345	221230902	Vàng Tờ Linh	K63.CNTT4	00,0				Vàng
22	346	221220910	Phạm Văn Lộc	K63.CNTT4	7,8	23031		Lộc	
23	347	221230916	Lê Đức Mạnh	K63.CNTT4	6,3	23035		Mạnh	
24	348	221230917	Nguyễn Công Mạnh	K63.CNTT4	4,3	23031		Mạnh	
25	349	221230921	Hoàng Ngọc Minh	K63.CNTT4	7,5	23031		Minh	
26	350	221230923	Nguyễn Nhật Minh	K63.CNTT4	6,3	23030	01	Minh	
27	351	221230927	Trần Ngọc Minh	K63.CNTT4	5,5	23027		Minh	
28	352	221230928	Trương Văn Minh	K63.CNTT4	4,3	23035		Minh	
29	353	221230932	Bùi Hữu Nam	K63.CNTT4	5,5	23030	01	Nam	
30	354	221230933	Đỗ Việt Hải Nam	K63.CNTT4					Nợ HP
31	355	221230940	Phạm Thành Nam	K63.CNTT4	5,0	23027		Nam	
32	356	221230947	Nguyễn Thành Nguyên	K63.CNTT4	6,3	23033		Nguyên	
33	357	221230957	Đoàn Đình Phúc	K63.CNTT4	3,0	23035		Phúc	
34	358	221230968	Vũ Ngọc Quân	K63.CNTT4	5,8	23030		Quân	
35	359	221230964	Trần Anh Quang	K63.CNTT4	9,0	23027		Quang	
36	360	221230965	Trịnh Mạnh Quang	K63.CNTT4	9,5	23030		Quang	
37	361	221230971	Nguyễn Quang Sáng	K63.CNTT4	00,0				Vàng
38	362	221230972	Lê Đăng Sơn	K63.CNTT4	8,8	23031		Sơn	
39	363	221230978	Phạm Công Sơn	K63.CNTT4	6,5	23027		Sơn	
40	364	221230982	Nguyễn Hữu Tâm	K63.CNTT4	8,8	23034	01	Tâm	
41	365	221230985	Nguyễn Ngọc Thanh	K63.CNTT4	5,8	23030	01	Thanh	
42	366	221230987	Lê Tiến Thành	K63.CNTT4	4,8	23035	01	Thành	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	367	221230993	Mai Phương Thảo	K63.CNTT4	7,8	23033		Thảo	
44	368	221231000	Hoàng Văn Thi	K63.CNTT4	5,0	23035		Thi	
45	369	221231005	Đỗ Anh Thư	K63.CNTT4	8,3	23032		Thư	
46	370	221231004	Nguyễn Phúc Thuận	K63.CNTT4	6,8	23033		Thuận	
47	371	221231010	Trần Học Tiến	K63.CNTT4	3,5	23031		Tiến	
48	372	221231015	Vàng Vũ Trang	K63.CNTT4	3,3	23035		Trang	
49	373	221231023	Nguyễn Quang Trường	K63.CNTT4	7,5	23031		Trường	
50	374	221231027	Đào Triệu Tú	K63.CNTT4	8,3	23027		Tú	
51	375	221231036	Phùng Văn Tuấn	K63.CNTT4	6,5	23017		Tuấn	
52	376	221231038	Trịnh Anh Tuấn	K63.CNTT4	5,5	23033		Tuấn	
53	377	221231044	Nguyễn Đỗ Thanh Tùng	K63.CNTT4	5,0	23021		Tùng	
54	378	221231051	Mai Đức Vinh	K63.CNTT4	8,5	23030		Vinh	
55	379	221231056	Nguyễn Nhật Vũ	K63.CNTT4	5,5	23030		Vũ	
56	380	221231060	Hoàng Lương Xuân	K63.CNTT4	5,5	23030		Xuân	

Tổng số bài thi :

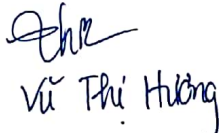
Tổng số tờ giấy thi :

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

 N.M.H. Sơn
 Vũ Thị Hương

PGS.TS. Trần Văn Long

Nguyễn Thị Minh Hiền

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP